

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ LONG XUYỀN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 207/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 30-11-2021

V/v “Tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LONG XUYỀN, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Lan

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thu Cúc
2. Ông Đặng Hữu Tấn

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Trung Hiếu - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên.

Ngày 30 tháng 11 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 456/2021/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 11 năm 2021 về “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 403/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 11 năm 2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1970, (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

Cư trú: số 206, tổ 55B, khóm **B Đ 1**, phường **B Đ**, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

2. *Bị đơn:* Ông Võ Ngọc Minh T, sinh năm 1968, (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

Cư trú: Tổ 28, khóm **B K 4**, phường **B K**, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng nguyên đơn bà Nguyễn Thị H, trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Võ Ngọc Minh T tự nguyện tìm hiểu và chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 1990, vợ chồng không có đăng ký kết hôn. Sau khi sống chung, thời gian đầu vợ chồng sống rất hạnh phúc, sau đó

thì phát sinh nhiều mâu thuẫn dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Hiện nay vợ chồng đã ly thân nhau được hơn 06 tháng. Nay bà yêu cầu Tòa án tuyên bố không công nhận bà và ông **T** là vợ chồng.

Về quan hệ con chung: Có 03 (ba) con chung tên Võ Ngọc Minh Toàn, sinh năm 1991; Võ Thị Vẹn, sinh năm 1995 và Võ Thị Ngoan, sinh năm 1998. Hiện nay các con chung đã trưởng thành nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Võ Ngọc Minh T, trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà Nguyễn Thị H chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 1990, không có đăng ký kết hôn. Sau khi sống chung, thời gian đầu vợ chồng chung sống rất hạnh phúc, sau đó thì phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do bà **H** có quan hệ với người đàn ông khác ở bên ngoài. Ông đã nhiều lần khuyên bảo nhưng bà **H** không thay đổi. Đến nay bà **H** đã bỏ nhà đi được hơn 10 tháng. Nay bà **H** yêu cầu Tòa án không công nhận bà **H** với ông là quan hệ vợ chồng thì ông cũng đồng ý.

Về quan hệ con chung: có 03 (ba) con chung tên Võ Ngọc Minh Toàn, sinh năm 1991; Võ Thị Vẹn, sinh năm 1995 và Võ Thị Ngoan, sinh năm 1998. Hiện nay các con chung đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Bà **H** yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận bà và ông **T** là vợ chồng, ông **T** hiện cư trú tại tổ 28, khóm **B K 4**, phường **B K**, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang nên Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên thụ lý giải quyết là phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Bà **H** và ông **T** có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bà **H** và ông **T**.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

[2.1] Bà **H** và ông **T** chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 1990 nhưng đến nay vẫn không tiến hành làm thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật.

[2.2] Xét thấy, hôn nhân của bà **H** và ông **T** đã vi phạm khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 về đăng ký kết hôn. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 Hội đồng xét xử không xem xét mâu thuẫn trong hôn nhân giữa các bên, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà **H**, không công nhận quan hệ hôn nhân giữa bà **H** và ông **T** là vợ chồng.

[3] Về quan hệ con chung: Bà **H** và ông **T** có 03 (ba) con chung tên Võ Ngọc Minh Toàn, sinh năm 1991; Võ Thị Vẹn, sinh năm 1995 và Võ Thị Ngoan, sinh năm 1998. Do các con chung đã trưởng thành và có khả năng lao động nên Hội đồng xét xử không xét đến.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Bà **H** và ông **T** không yêu cầu giải quyết. Sau này, nếu có phát sinh tranh chấp thì sẽ được giải quyết thành vụ án khác.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà **H** có nghĩa vụ nộp án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 266 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Khoản 1 Điều 9 và khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H.

[1] Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận bà Nguyễn Thị H và ông Võ Ngọc Minh T là vợ chồng.

[2] Về quan hệ con chung: Bà **H** và ông **T** có 03 (ba) con chung tên Võ Ngọc Minh Toàn, sinh năm 1991; Võ Thị Vẹn, sinh năm 1995 và Võ Thị Ngoan, sinh năm 1998. Các con chung đã trưởng thành và có khả năng lao động nên không xét đến.

[3] Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Không giải quyết.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà **H** phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp, theo biên lai thu số 0000659 ngày 05/11/2021 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Long Xuyên.

[5] Về quyền kháng cáo: Bà **H** và ông **T** được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND TPLX;
- TAND tỉnh An Giang;
- THADS TPLX;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Thị Lan